

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THẠCH AN  
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT  
NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2024/HNGĐ-ST  
Ngày: 11/6/2024  
V/v: *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH AN – TỈNH CAO BẰNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Quỳnh Mai

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Lý Minh Giang

2. Bà Nông Thị Ngọc Ánh

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đinh Thị Châm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch An tham gia phiên tòa:** Ông Bế Thanh Tuyền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 07/2024/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2024 về việc: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2024/QĐXX-ST ngày 29 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Nông Thị K – sinh năm 1995.

ĐKHKT: Nà Lặng, xã T, huyện T, tỉnh Cao Bằng.

Chỗ ở hiện nay: P, xã T, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Có mặt tại phiên tòa.

**- Bị đơn:** Ông Triệu Văn T – sinh năm 1990

ĐKHKT và chỗ ở hiện nay: Nà Lặng, xã T, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt tại phiên tòa có lý do (có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

**- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị T1 – Trợ giúp viên pháp lý – Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh C. Có mặt tại phiên tòa.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn:* Bà Hoàng Thị Diệp H – Trợ giúp viên pháp lý – Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh C. Có mặt tại phiên tòa.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 04/3/2024, biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 19/4/2024, nguyên đơn bà Nông Thị K trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông T kết hôn ngày 05/3/2014, kết hôn tự nguyện, được tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới ở hai bên gia đình, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Sau khi kết hôn bà và ông T chung sống với nhau hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn do ông T hay say rượu, đánh chửi bà. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình nhắc nhở nhưng không thể hàn gắn được. Hai vợ chồng đã ly thân từ tháng 7/2023 đến nay. Từ khi ly thân bà và ông T không liên lạc với nhau. Bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng có 02 (hai) con chung là Triệu Tuyết N – sinh ngày: 14/6/2014 và Triệu Việt A - sinh ngày: 02/6/2017. Khi ly hôn bà không yêu cầu được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung. Mỗi tháng bà sẽ cấp dưỡng nuôi con là 200.000,<sup>d</sup>/con/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà xác nhận tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

*Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 03/4/2024, bị đơn ông Triệu Văn T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà K kết hôn năm 2014, tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Sau khi kết hôn, ông và bà Kim c sống hòa thuận hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì. Không có sự việc ông thường xuyên uống rượu và có hành vi đánh đập bà K. Bà Kim b nhà ra đi thường xuyên (ba lần), mỗi lần bà Kim b đi ông đều đón về. Năm 2023, bà K dùng gậy đuổi đánh ông do hai vợ chồng cãi nhau (bà K muốn lấy xe máy đi thành phố chơi nhưng ông không đồng ý) nên đã bị công an xã T xử phạt vi phạm hành chính. Tình trạng chung sống của vợ chồng diễn ra như vậy hai bên nội ngoại đều biết và khuyên bảo nhưng bà K vẫn bỏ nhà đi. Lần gần đây nhất bà Kim b nhà đi đã được ba tháng. Ông xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn tuy nhiên bà K yêu cầu ly hôn ông cũng nhất trí.

Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng có 02 (hai) con chung là Triệu Tuyết N – sinh ngày: 14/6/2014 và Triệu Việt A - sinh ngày: 02/6/2017. Sau khi ly hôn ông mong muốn là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và

giáo dục con chung cho đến khi con thành niên. Ông yêu cầu bà K cấp dưỡng nuôi con là 500.000,đ/con/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông xác định tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Đồng thời ông T đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt trong tất cả các hoạt động tố tụng tại Tòa án.

*Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 15/4/2024, cháu Triệu Tuyết N trình bày:*

Cháu là con chung của bố Triệu Văn T, mẹ Nông Thị K. Hiện nay, cháu đang là học sinh lớp 3 tại trường Tiểu học và trung học cơ sở xã T. Trong cuộc sống hàng ngày bố là người trực tiếp chăm sóc, đưa đón cháu đi học. Trong trường hợp bố mẹ không chung sống với nhau cháu mong muốn được ở với bố vì bố là người quan tâm chăm sóc cháu.

*Tại phiên tòa:*

- *Nguyên đơn bà Nông Thị K trình bày:* Từ khi hai vợ chồng ly thân bà về thăm con nhưng ông T không cho. Bà cũng không gửi tiền, nhu yếu phẩm cho các con. Năm 2023, bà được dùng gậy đuổi đánh ông T và đã bị công an xã T xử phạt vi phạm hành chính. Hiện tại, bà đi làm thuê với thu nhập trung bình hàng tháng là 4.000.000,đ (bốn triệu đồng). Ngoài thu nhập này bà không còn thu nhập nào khác.

Về quan hệ hôn nhân: Bà giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với ông T.

Về con chung: Hai con chung sẽ do ông T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung cho đến khi con thành niên; bà sẽ cấp dưỡng nuôi con là 500.000,đ/con/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Quá trình chung sống, hai vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị T1 trình bày:*

Về mặt tình cảm: Bà Nông Thị K và ông Triệu Văn T kết hôn trên cơ sở tìm hiểu, tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 05/3/2014 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Giai đoạn đầu kết hôn hai vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2023 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, bà K đã bỏ nhà sống ly thân từ tháng 7/2023 đến nay. Bà K và ông T đã không có sự quan tâm, chăm sóc cùng nhau vun đắp hạnh phúc gia đình. Có thể thấy rằng mâu thuẫn giữa bà K và ông T đã đến mức trầm trọng, xảy ra thường xuyên, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho bà K được ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà K và ông T có 02 (hai) con chung là Triệu Tuyết N – sinh ngày: 14/6/2014 và Triệu Việt A - sinh ngày: 02/6/2017. Bà K và ông T đều có nguyện vọng để hai cháu cho ông T trực tiếp chăm sóc, bà K sẽ thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định của pháp luật. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử công nhận quyền nuôi dưỡng trực tiếp cho ông T bởi hai cháu đang tuổi ăn tuổi học, cần một môi trường tốt để trưởng thành; bà K hiện nay đang đi làm ăn xa không có điều kiện ổn định để trực tiếp chăm sóc các cháu.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Bà K nhất trí với mức cấp dưỡng ông T yêu cầu là 500.000,đ/con/tháng nên đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự tự nguyện thỏa thuận của đương sự về mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Trong quá trình chung sống bà K, ông T không tạo lập được tài sản chung, không phát sinh khoản nợ chung nên không có tranh chấp về tài sản.

Vì các lẽ trên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, 58, 81, 82, 83, 110 Luật Hôn nhân và gia đình giải quyết cho bà Nông Thị K được ly hôn với ông Triệu Văn T. Sau khi ly hôn ông T là người trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu Triệu Tuyết N và Triệu Việt A, bà K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 500.000,đ/con/tháng.

*- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn bà Hoàng Thị Diệp H trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Qua trình bày của các bên và các chứng cứ trong hồ sơ vụ án cho thấy thời gian chung sống với nhau cả hai vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, do tính cách không thể hòa hợp, không cùng chí hướng. Từ tháng 7/2023, hai vợ chồng ly thân không còn quan tâm chăm sóc yêu thương nhau. Bà K nhiều lần bỏ nhà ra đi trong một khoảng thời gian dài. Như vậy, cho thấy mâu thuẫn của ông T và bà Kim d ra một thời gian dài, trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nếu duy trì hôn nhân cũng không mang lại hạnh phúc cho nhau. Với yêu cầu xin ly hôn của bà K ông T nhất trí ly hôn.

Về con chung: Bà K và ông T có 02 (hai) con chung là Triệu Tuyết N – sinh ngày: 14/6/2014 và Triệu Việt A - sinh ngày: 02/6/2017. Trong cuộc sống hàng ngày ông T là người thường xuyên chăm sóc con chung, đưa đón con đi học. Ông T có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng cả 02 con chung và theo nguyện vọng của cháu Triệu Tuyết N muốn được ở với bố. Ông T yêu cầu bà K cấp dưỡng nuôi con 500.000,đ/con/tháng. Hiện các con chung của ông T, bà K đang ở độ tuổi đi học. Để các cháu được học tập và phát triển bình thường cũng như nhu cầu thiết yếu của các cháu thì yêu cầu của ông T buộc bà K cấp dưỡng nuôi con 500.000,đ/con/tháng là phù hợp với quy định.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông T và bà K không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng phát biểu quan điểm:

\* Việc tuân theo pháp luật:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 48, 195, 196, 197, 198, 203, 239 và 243 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 trong quá trình giải quyết vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Hội đồng xét xử đã thực hiện, tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Thư ký tòa án đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 51 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

\* Việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử, căn cứ: Điều 28, 35, 39, 147, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nông Thị K được ly hôn với ông Triệu Văn T.

- Về con chung: Giao con chung Triệu Tuyết N – sinh ngày: 14/6/2014 và Triệu Việt A - sinh ngày: 02/6/2017 cho ông Triệu Văn T chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ tuổi trưởng thành; bà Nông Thị K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 500.000,đ/con/tháng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự xác nhận không có tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Bà Nông Thị K được miễn án phí dân sự sơ thẩm do là hộ nghèo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến trình bày của nguyên đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, bị đơn, Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền: Bà Nông Thị K khởi kiện về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” với ông Triệu Văn T, địa chỉ: N, xã T, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng.

[1.2]. Về sự vắng mặt của bị đơn: Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 03/4/2024, ông Triệu Văn T đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt ông trong tất cả các hoạt động tố tụng (phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, xét xử). Do vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành phiên tòa theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nông Thị Kim kết h với ông Triệu Văn T năm 2014, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, được tìm hiểu, tổ chức lễ cưới ở hai bên gia đình và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà K và ông T là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[3]. Về yêu cầu ly hôn của nguyên đơn:

Tại phiên tòa, bà K xác nhận Công an xã T, huyện T đã xử phạt vi phạm hành chính đối với bà do có hành vi dùng gậy đánh ông T. Mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể hàn gắn, bà và ông T đã ly thân từ tháng 7/2023 đến nay và giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn.

Bị đơn ông T trình bày trong quá trình chung sống bà Kim bỏ nhà đi thường xuyên lần gần đây nhất đã được ba tháng, mỗi lần bà Kim b đi ông đều đón về. Năm 2023, bà K dùng gậy đuổi đánh ông do hai vợ chồng cãi nhau nên đã bị công an xã T xử lý vi phạm hành chính. Ông xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn tuy nhiên bà K yêu cầu ly hôn ông cũng nhất trí.

Hội đồng xét xử xét thấy giữa bà K và ông T đã thực sự không còn tình cảm, cuộc sống chung không thể kéo dài, mâu thuẫn đã đến mức độ trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà K và ông T đã vi phạm nghĩa vụ vợ chồng quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình nên căn cứ Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu xin ly hôn của bà K là có căn cứ chấp nhận.

[4]. Về con chung: Trong quá trình chung sống, bà K và ông T có 02 (hai) người con chung là Triệu Tuyết N – sinh ngày: 14/6/2014 (Giới tính: Nữ) và Triệu Việt A, sinh ngày: 02/6/2017 (Giới tính: Nam).

Về người trực tiếp nuôi con: Hai bên đương sự đều có ý kiến con chung sẽ do ông T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi trưởng thành. Ý kiến này của bà K và ông T cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu N là muốn ở với ông T trong trường

hợp bố mẹ không chung sống với nhau. Như vậy, cần giao cả hai con chung cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 03/4/2024, ông T yêu cầu bà K cấp dưỡng nuôi con là 500.000,đ/con/tháng. Tại phiên tòa, bà K nhất trí với mức cấp dưỡng này. Căn cứ vào ý kiến của các đương sự cũng như khả năng thu nhập thực tế của bà K (4.000.000đồng/tháng) Hội đồng xét xử xét thấy cần buộc bà K phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 500.000,đ/con/tháng.

[5]. Về tài sản chung, nợ chung: Bà K và ông T đều xác nhận trong quá trình chung sống không có tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra vấn đề giải quyết.

[6]. Về án phí: Bà K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu xin ly hôn và án phí đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, bà Kim t hộ nghèo (theo giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo số: 102/GCN-HN.HCN ngày 03/4/2024 của Ủy ban nhân dân xã T) và có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[7]. Về quyền kháng cáo: Các bên đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[8]. Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH**

- Căn cứ Điều 51, 55, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.
- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.
- Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nông Thị K.

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nông Thị K được ly hôn với ông Triệu Văn T.

[2]. Về con chung: Giao con chung là Triệu Tuyết N – sinh ngày: 14/6/2014 (Giới tính: Nữ) và Triệu Việt A, sinh ngày: 02/6/2017 (Giới tính: Nam) cho ông

Triệu Văn T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Bà Nông Thị K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 500.000,đ/con/tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Bên không trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom con để gây cản trở hoặc ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của người đang trực tiếp nuôi con.

Vì quyền lợi về mọi mặt của con, khi có yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

[3]. Về tài sản chung, nợ chung: Các bên đương sự đều xác nhận trong quá trình chung sống không có tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra vấn đề giải quyết.

[4]. Về án phí: Bà Nông Thị K được miễn án phí dân sự sơ thẩm. Bà Nông Thị K được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000,đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0002039 ngày 15/3/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng.

[5]. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn (vắng mặt tại phiên tòa) có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

**Nơi nhận:**

- Viện kiểm sát ND h. Thạch An;
- Tòa án ND tỉnh Cao Bằng;
- Chi cục THADS h. Thạch An;
- UBND xã Trọng Con;
- Đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Quỳnh Mai**



